

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 9 - 2021

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Phương

2. Ông Lê Anh Tuấn

- Thư ký phiên toà: Bà Vương Thị Minh Khuê - Thư ký viên Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Ông Giàng Chấn Sồ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021, về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Lệ H; địa chỉ: SN 30, đường A, tổ 5, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Bị đơn: Ông Trần T; địa chỉ: Thôn Y, xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn ngày 08/4/2021; bản tự khai ngày 14/4/2021 và quá trình giải quyết, bà H và ông T cùng xác nhận nội dung: Ông bà đã đăng ký kết hôn ngày 25/9/2009, tại UBND phường T, TP H, tỉnh Hà Giang, do tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông bà đều có con cháu riêng của mỗi người. Nay cả hai bên đều tuổi đã cao và muốn có điều kiện chung sống bên con cháu của mình, nên ông bà thống nhất tự nguyện đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho ông bà.

Quá trình Tòa án thụ lý và giải việc dân sự Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Ông T không đến Tòa án để tham gia tố tụng nên Tòa án không thực hiện việc hòa giải, các bên đương sự phát sinh tranh chấp.

Tòa án áp dụng khoản 5 Điều 397- Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thụ lý vụ án ly hôn để giải quyết theo thủ tục chung.

Về con chung: Bà H và ông T cùng xác nhận ông bà không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự đều xác nhận không có.

Quá trình giải quyết vụ án ly hôn; Ông T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt, do đó Tòa án không thực hiện được việc hòa giải giữa các đương sự.

* Tại phiên tòa: Bà H giữ nguyên quan điểm về việc ly hôn với ông T.

* Quan điểm của Đại diện VKS thành phố H, tỉnh Hà Giang:

- Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ, thông báo cho Viện Kiểm sát về việc Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa HĐXX, thư ký phiên tòa thực hiện đúng pháp luật, thủ tục bắt đầu phiên tòa được Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 239 BLTTDS.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, các tài liệu do đương sự cung cấp phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 70, Điều 71, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy bà H và ông T kết hôn ngày 25/9/2009 tại UBND phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang do tự nguyện. Quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng sống ly thân, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được.

- Về con chung: Không có.

- Tài sản chung, công nợ chung: Không có.

- Về án phí: Bà H phải chịu án phí theo quy định.

Do đó, căn cứ Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án, đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà H được ly hôn với ông T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

Về án phí: Bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà H có địa chỉ: Tổ 05, phường T, TP H và ông T địa chỉ: Thôn Y, xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa, ông bà có đơn yêu cầu thuận tình ly hôn. Sau khi Tòa án thụ lý việc dân sự ông T và bà H lại phát sinh tranh chấp. Tòa án đã áp dụng khoản 5 Điều 397- Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thụ lý vụ án ly hôn để giải quyết theo thủ tục chung. Theo quy định tại Điều 28, Điều 29, Điều 35, Điều 39, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

[2]. Bị đơn ông Thắng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Thắng theo quy định của pháp luật.

[3]. Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Đây là vụ án xin ly hôn các đương sự yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân. Như vậy, đủ căn cứ xác định quan hệ tranh chấp là Ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 29 BLTTDS và điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4]. Về nội dung vụ án: Bà H và ông T đăng ký kết hôn ngày 25/9/2009 tại UBND phường Trần Phú, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang do tự nguyện. Như vậy, hôn nhân giữa bà H và ông T là hợp pháp.

[5]. Lý do bà H xin ly hôn là sau khi kết hôn cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do cả hai ông bà đều lớn tuổi và có con riêng, ông bà cùng có nguyện vọng về ở với con cháu của mình và không muốn chung sống cùng nhau nữa. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của bà H là phù hợp bởi lẽ: Quá trình vợ chồng chung sống ông bà không hạnh phúc và cùng mong muốn được ly hôn. Theo nội dung bản tự khai 14/4/2021 và bản tự khai 9/9/2021 ông T đều xác nhận do điều kiện hoàn cảnh của mỗi bên không phù hợp để chung sống cùng nhau và đề nghị Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn. Như vậy, xác định bà H và ông T không còn tình cảm với nhau, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà H là phù hợp với quy định tại điều 56 - Luật HN&GD. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông T.

[6]. Về con chung: Không có.

[7]. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

[8]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án, bà H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân gia đình;
- Căn cứ vào Điều 207, khoản 1 Điều 227; khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Bùi Lệ H được ly hôn ông Trần T .

2. Về con chung: Không có.

3. Tài sản chung, công nợ chung: Không có.

4. Về Án phí: Bà Bùi Lệ H chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000đ được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang biên lai số 0000508 ngày 12 tháng 4 năm 2021.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho bà H biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh HG
- VKSND TP. H;
- Các đương sự;
- CC THADS TP. H;
- UBND P T. TP.H;
- Lưu HS;
- Lưu bộ phận

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Lê Thị Thanh Bình